

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương

2. Ông Nguyễn Văn Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXX- ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Thủy, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Quy Hạ, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: bà và ông Nguyễn Văn T hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền rồi chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hợp nên thường xuyên cãi vã và hai người đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Nay bà xin ly hôn với ông T vì không thể hàn gắn được.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phi Y sinh ngày 06 tháng 4 năm 2009 hiện nay bà đang nuôi. Khi ly hôn, bà xin nuôi con tên không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị C có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C. Riêng ông Thành vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà C và ông T hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 không có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là không phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thấy rằng từ khi chung sống với nhau, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nay bà C xin ly hôn ông T. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà C và ông T có một con chung tên có 01 con chung tên Nguyễn Phi Y sinh ngày 06 tháng 4 năm 2009 hiện nay bà C đang nuôi. Khi ly hôn bà C xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy khi không công nhận bà C và ông T là vợ chồng đối với cháu Y có nguyện vọng sống với bà C nên cần để bà C tiếp tục nuôi con là phù hợp. Bà C không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà C khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà C là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

2/ *Về con chung*: bà Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phi Y sinh ngày 06/4/2009, ông T không cấp dưỡng nuôi con vì ông không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bà T được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

3/ *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà C đã nộp theo biên lai số 0007379 ngày 18/6/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Thượng;
- Lưu.